TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
Khoa tiếng Hàn Quốc
----------o0o----------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hanh phúc
----------o0o----------

DANH SÁCH SINH VIÊN THI MÔN NGOẠI NGỮ 2

Môn: SFL317: Ngoại ngữ II (I) Lớp: NN2 - Tiếng Hàn 2

Phòng thi: 708C

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	SV Lớp	Xác nhận	Ghi chú
1	1607040002	Đàm Thị Ngọc	Anh	11/06/1998	5T-16		
2	1607090128	Đinh Phương	Anh	11/09/1998	4I-16		
3	1607010356	Nguyễn Yến	Anh	10/01/1998	4A-16		
4	1607010357	Quách Quỳnh	Anh	14/09/1998	4A-16		
5	1607010029	Trịnh Phương	Anh	06/03/1998	CNTN-16		
6	1607010358	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/05/1998	8A-16		
7	1607010049	Trần Thị	Cúc	17/01/1998	8A-16		
8	1607080008	Đinh Thị Ngọc	Diệu	19/05/1998	2TB-16		
9	1607010058	Trương Thị	Dung	24/09/1998	3A-16		
10	1607010065	Phạm Thị	Duyên	11/10/1998	4A-16		
11	1607090031	Đặng Hương	Giang	18/05/1998	3I-16		
12	1607040060	Đào Thị Thu	Hà	28/11/1998	5T-16		
13	1607040064	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/02/1998	6T-16		
14	1607030034	Lại Thị Việt	Hà	09/09/1998	3P-16		
15	1607040063	Nguyễn Thị	Hà	24/10/1998	1T-16		
16	1607040073	Nông Thu	Hằng	07/04/1998	5T-16		
17	1507010084	Phan Thị Diệu	Hằng	24/02/1997	10A-15		
18	1607040078	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	10/12/1998	6T-16		
19	1607010087	Lương Thị Hồng	Hạnh	19/12/1998	CNTN-16		
20	1607040087	Chu Thị Thanh	Hiền	23/08/1998	6T-16		
21	1607010102	Lê Thị Minh	Hoa	12/02/1998	3A-16		
22	1607090045	Kiều Thu	Hoài	28/05/1998	2I-16		
23	1607040108	Phạm Thị	Huệ	29/10/1997	2T-16		
24	1607010122	Nguyễn Thị	Hương	06/03/1998	3A-16		
25	1607010385	Trần Thu	Hường	24/03/1998	4A-16		
26	1607010130	Đào Thị Thanh	Huyền	15/08/1998	7A-16		
27	1607010131	Đậu Lệ	Huyền	09/11/1998	8A-16		
28	1607010132	Hoàng Thị Hải	Huyền	05/04/1998	5A-16		
29	1607010139	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17/10/1998	3A-16		
30	1607010146	Phạm Thị Thanh	Lam	01/04/1998	6A-16		
31	1607010154	Đào Phương	Liên	01/09/1998	3A-16		
32	1607010378	Phạm Thị Hồng	Linh	17/01/1998	4A-16		
33	1607010166	Nguyễn Thị Khánh	Linh	08/12/1998	CNTN-16		
34	1607040137	Hoàng Thị Ngọc	Linh	30/12/1998	1T-16		
35	1607010187	Nguyễn Ngọc Diệu	Ly	03/10/1998	CNTN-16		

36	1607040286	Hoàng Thanh	Mai	22/12/1997	4T-16		
37	1607010200	Trương Thị	Mai	06/09/1998	CNTN-16		
38	1607010197	Nguyễn Tố	Mai	08/11/1998	CNTN-16		
39	1607010205	Nguyễn Thị	Nga	18/01/1998	CNTN-16		
40	1607090078	Nguyễn Minh	Ngọc	24/09/1998	2I-16		
41	1607010213	Lê Minh	Ngọc	29/10/1998	CNTN-16		
42	1607040184	Nguyễn Thị	Nguyệt	21/01/1998	1T-16		
43	1607030090	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/02/1998	3P-16		
44	1607010348	Vũ Thị Mai	Phương	10/05/1998	CNTN-16		
45	1607010244	Đàm Thị Ngọc	Quỳnh	19/08/1998	5A-16		
46	1607010248	Nguyễn Thúy	Quỳnh	22/01/1997	4A-16		
47	1607040215	Nguyễn Thị Phương	Thanh	11/07/1998	1T-16		
48	1607040217	Thân Huyền	Thanh	22/05/1998	2T-16		
49	1607010265	Văn Thu	Thảo	19/07/1998	7A-16		
50	1607010374	Trần Thị Kim	Thoa	04/09/1998	3A-16		
51	1607040227	Dương Anh	Thư	12/06/1998	5T-16		
52	1607030110	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	05/06/1998	2P-16		
53	1607010302	Phạm Tuyết	Trang	29/07/1998	7A-16		
54	1607080055	Đỗ Quỳnh	Trang	13/09/1998	2TB-16		
55	1607010300	Phạm Thị Bảo	Trang	09/10/1997	3A-16		
56	1607010316	Trần Thị	Tuyết	15/10/1998	8A-16		
57	1607030119	Dương Mai	Uyên	31/03/1998	3P-16		
58	1607040266	Trần Thị Quỳnh	Vân	09/12/1998	4T-16		
59	1607040272	Lê Thị Minh	Xoan	08/09/1998	1T-16		
60	1607010377	Nguyễn Thị Hồng	Yến	25/11/1998	8A-16		

Ngày thi	Cán bộ coi thi
	1
	2
	3